

Bản án số: 153/2025/DS-PT;
Ngày: 13/3/2025;
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thu Hương;

Bà Nguyễn Thị Rên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 600/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 235/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh V năm 1994.

Địa chỉ: Số A, khu phố E, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1992; địa chỉ: C ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre(văn bản ủy quyền ngày 23/7/2024); có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thúy P năm 1996. Nơi cư trú: Số B ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Trần Nhật Long H năm 1978; địa chỉ: Số A, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre(văn bản ủy quyền ngày 01/7/2024); có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn - bà Nguyễn Thúy P1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, bản khai của anh Nguyễn Anh V1 tại phiên tòa chi Trần Thị Ngọc N trình bày:

Do quen biết, anh V2 cho chị P2 tiền nhiều lần, cụ thể: ngày 16/8/2022, anh V3 chị P2 số tiền 100.000.000 đồng; ngày 17/8/2022, anh V3 chị P2 số tiền 20.000.000 đồng; ngày 18/8/2022 anh V3 bà P2 số tiền 40.000.000 đồng. Tổng số tiền anh V3 chị P2 là 160.000.000 đồng. Các lần vay tiền này anh V4 khoản qua số tài khoản 23205477 của chị P3 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á bên không có làm hợp đồng vay, không thỏa thuận thời hạn vay, chỉ thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 5%/tháng.

Sau khi vay thì chị P15 đóng lãi cho anh V5 ba lần với số tiền tổng cộng là 24.000.000 đồng, cụ thể: ngày 19/9/2022, đóng lãi số tiền 8.000.000 đồng; ngày 17/10/2022, đóng lãi số tiền 8.000.000 đồng; ngày 18/11/2022, đóng lãi số tiền 8.000.000 đồng. Sau đó, thì chị P4 đóng lãi, anh V6 lần yêu cầu chị P5 nợ gốc thì chị P15 hứa trả nhưng cũng không thực hiện.

Vì vậy, anh V7 kiện yêu cầu chị P15 nghĩa vụ thanh toán cho anh V15 tiền nợ vay gốc là 160.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của anh V8 cầu tính lại số tiền lãi mà chị P6 đóng cho anh V9 mức lãi suất theo quy định của pháp luật tương đương số tiền 16.000.000 đồng, số tiền còn lại là 7.968.000 đồng sẽ khấu trừ vào tiền vay gốc mà chị P7 phải trả cho anh V

Tại văn bản nêu ý kiến, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa anh Trần Nhật L H trình bày:

Giữa anh V1 chị P15 mối quan hệ quen biết, chung nơi công tác, anh V10 chị P15 cho người khác vay tiền nên anh V11 tiền nhờ chị P8 vay dùm và lấy lãi dùm anh V10. Số tiền anh V11 cho chị P9 160.000.000 đồng, chị P10 với 240.000.000 đồng của chị P11 cộng là 400.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T nhưng hiện bà T1 bỏ địa phương, chị P4 liên lạc được, việc chị P8 bà T cũng không có giấy tờ gì. Số tiền 160.000.000 đồng anh V11 cho chị P9 để nhờ chị P8 vay lấy lãi dùm, không phải tiền anh V3 chị P2 nên giữa hai bên không có thỏa thuận gì liên quan đến việc vay tiền, lãi suất vay. Việc anh V12 chị P12 đưa tiền cho người khác vay thì hai bên cũng chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Tuy nhiên, theo nội dung tin nhắn mà anh V13 cấp thể hiện việc anh V11 tiền cho chị P2 và lấy lãi dùm, anh V10 biết việc chị P13 tiền cho người khác vay và bị giựt tiền. Do chị P9 người nhận tiền nên chị P14 náy, có chuyển trả cho anh V15 tiền gốc là 24.000.000 đồng vào các ngày 19/9/2022, 17/10/2022 và ngày 18/10/2022 mỗi lần chuyển trả 8.000.000 đồng, đây không phải là tiền lãi như phía anh V16 bày. Chị P4 đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh V Trường hợp Tòa

án nhận yêu cầu của anh V14 chị Pđồng ý tính lại số tiền lãi mà chị P6 đóng cho anh V9 mức lãi suất theo quy định của pháp luật tương đương số tiền 16.032.000 đồng, số tiền còn lại là 7.968.000 đồng sẽ khấu trừ vào tiền vay gốc mà chị P7 phải trả cho anh V1 xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Anh Vcụ T2: Buộc chị Nguyễn Thúy P15 nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Anh V15 tiền nợ vay là 143.968.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/10/2024, bị đơn chị Nguyễn Thúy P16 kháng cáo đề nghị xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng khấu trừ số tiền 24.000.000 đồng vào số tiền theo bản án đã tuyên, bà chỉ đồng ý trả 136.000.000 đồng và xin trả dần 5.000.000 đồng/tháng. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật tố tụng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị P, giữ y bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thúy P16 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thúy P16 kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn anh Nguyễn Anh V16 bày có cho chị P2 tiền nhiều lần với số tiền gốc là 160.000.000 đồng. Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là bản sao kê Sổ phụ chi tiết kiểm báo nợ/báo có tài khoản ngân hàng của anh V17 hiện ngày 16/8/2022 chuyển số tiền 100.000.000 đồng, ngày 17/8/2022 chuyển số tiền 10.000.000 đồng, ngày 17/8/2022 chuyển số tiền 10.000.000 đồng và ngày 18/8/2022 chuyển số tiền 40.000.000 đồng vào số tài khoản số 23205477 của Nguyễn Thúy P16 (bút lục số 11), không thể hiện nội dung chuyển tiền.

[2.2] Bị đơn chị Nguyễn Thúy P17 nhận có nhận của anh V15 tiền 160.000.000 đồng, tuy nhiên chị P8 rằng số tiền 160.000.000 đồng này là tiền anh V18 chị P8 người khác vay dùm, không phải là tiền vay vì giữa hai bên không thoả thuận gì về tiền vay, lãi suất vay cũng như thời hạn trả nợ vay và thể hiện qua nội dung các tin nhắn qua lại giữa anh V1 chị P

[2.3] Xét thấy, các nội dung nhắn tin đối đáp qua lại giữa anh V1 chị P18 phía anh V13 cấp không có nội dung nào xác định số tiền 160.000.000 đồng mà anh V19 cho chị P9 tiền anh V18 chị P8 vay dùm và lấy lãi dùm; chị P8 rằng số tiền 160.000.000 đồng này là tiền anh V18 chị P8 người khác vay dùm không được phía anh V20 nhận và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của chị P

[2.4] Anh V3 rằng các bên có thỏa thuận lãi suất vay là 5%/tháng sau khi vay chị P19 trả 03 tháng tiền lãi là 24.000.000 đồng, phía chị P8 rằng số tiền 24.000.000 đồng này là chị P19 trả tiền gốc. Căn cứ theo nội dung nhắn tin đối đáp qua lại giữa anh V1 chị P18 phía anh V13 cấp được các bên thừa nhận tại phiên tòa có nội dung thể hiện việc anh V8 cầu chị P5 lãi, chị P20 định anh V2 nhận tiền lãi 02 tháng từ chị P9 mười sáu triệu đồng. Từ đó, có cơ sở xác định số tiền 160.000.000 đồng mà chị P21 của anh V21 tiền vay, sau khi vay chị P6 chuyển trả cho anh V15 tiền lãi của 03 tháng là 24.000.000 đồng.

[2.5] Anh V8 cầu tính lại số tiền lãi mà chị P6 đóng cho anh V9 mức lãi suất theo quy định của pháp luật tương đương số tiền 16.000.000 đồng, số tiền còn lại là 7.968.000 đồng sẽ khấu trừ vào tiền vay gốc mà chị P7 phải trả cho anh V Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét số tiền lãi suất của 03 tháng trên số tiền nợ vay gốc 160.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là $160.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} = 7.968.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi mà chị P6 đóng vượt mức lãi suất theo quy định của pháp luật là: $24.000.000 \text{ đồng} - 7.968.000 \text{ đồng} = 16.032.000 \text{ đồng}$ là phù hợp.

Toà án cấp sơ thẩm cũng xem xét việc chị P6 đóng lãi cho anh V9 số tiền lãi vượt mức quy định của pháp luật nên xem xét khấu trừ số tiền lãi mà chị P6

đóng vượt mức là 16.032.000 đồng vào tiền vốn vay gốc mà chị P7 phải trả cho anh Vcụ thể: 160.000.000 đồng – 16.032.000 đồng = 143.968.000 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn cho rằng các bên có thoả thuận chuyển giao quyền và nghĩa vụ; bị đơn cho rằng không có việc thoả thuận chuyển giao quyền và nghĩa vụ cho người thứ ba. Bị đơn cũng không có cung cấp được tài liệu chứng cứ có việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, buộc chị P15 nghĩa vụ trả cho anh V15 tiền nợ vay gốc sau khi trừ số tiền lãi chị P6 đóng vượt mức lãi suất quy định là 143.968.000 đồng.

[2.6] Bị đơn xin được trả dần nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thúy P1
Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 162/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 357, 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Anh V22, cụ thể:

1. Buộc chị Nguyễn Thúy P15 nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Anh V15 tiền nợ vay là 143.968.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thúy P15 nghĩa vụ chịu số tiền án phí là 7.198.000 đồng (Bảy triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005473 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho anh Nguyễn Anh V22

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thúy P22 chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003758 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng